TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HN-ST
Ngày: 05/01/2024
V/v: *"Tranh chấp xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ – TP. CẦN THƠ

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hậu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Thanh Vũ
2. Ông Phạm Hồng Lưu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 254/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023, về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 408/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị My M, sinh năm 2000.
Địa chỉ: Số A, khu V, phường T, quận T, TP ..
Bị đơn: Ông Trương Minh N, sinh năm 2000.
Địa chỉ: Số D, ấp T, xã T, huyện C, TP ..
Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phần trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị My M1 *theo đơn khởi kiện, bản tự khai như sau:*

Bà và ông N tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/4/2023. Quá trình sống chưa có con chung.

Ban đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau xảy ra mâu thuẫn. Sau khi kết hôn xong bà phát hiện ông N nhiều lần lừa dối bà, có người con gái khác bên ngoài. Bà đã nhiều lần khuyên nhưng ông N không từ bỏ nên hai bên gia đình chưa tổ chức

đám cưới cho bà và ông N. Tuy giữa bà và ông N có đăng ký kết hôn nhưng thực tế chưa từng sống chung với nhau như vợ chồng. Nay, cảm thấy không còn chung sống được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía ông Trương Minh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông không đến Tòa tại phiên xét xử, bà Lê Thị My M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai, vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị My M và ông Trương Minh N có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân hợp pháp thuộc ngành luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trương Minh N có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trương Minh N vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn bà Lê Thị My M có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị My M, nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn là bà M và ông N thường xuyên cự cãi, lâu ngày không có tiếng nói chung. Sau khi kết hôn bà phát hiện ông N nhiều lần lừa dối bà, có người con gái khác bên ngoài. Bà đã nhiều lần khuyên nhưng ông N không từ bỏ nên hai bên gia đình chưa tổ chức đám cưới cho bà và ông N. Tuy giữa bà và ông N có đăng ký kết hôn nhưng thực tế chưa từng sống chung với nhau như vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà M, ông N đã trầm trọng không thể vận động đoàn tụ do ông bà không còn sự yêu thương, tin tưởng nhau trong cuộc sống nên bà M yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định hiện tại không có nên không yêu cầu giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi cho các bên nên không xem xét

giải quyết. Tách phần tài sản chung và nợ chung ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị My M đối với bị đơn ông Trương Minh N.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị My M được ly hôn với ông Trương Minh N.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị My M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo Biên lai thu số 0007757 ngày 01/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà M đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát ND H. Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS H. Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.

Võ Trung Hậu